



Tờ Dữ Liệu An Toàn

ĐOẠN 1 NHẬN DIỆN SẢN PHẨM VÀ CÔNG TY

Caltex Rust Proof Oil

Sử dụng sản phẩm: Chất lỏng bôi trơn kim loại

(Các) số sản phẩm: 530804

Nhận diện công ty

Công ty TNHH Dầu nhờn Chevron Việt Nam

Lô F4 – Khu Công nghiệp Đình Vũ – An Hải

Hải Phòng

Việt Nam

Phản Ứng khẩn cấp khi vận chuyển

Trung Tâm Thông Tin Khẩn Cấp Chevron: Located in the USA. International collect calls accepted. (800)

231-0623 or (510) 231-0623

Sức khỏe khẩn cấp

Trung Tâm Thông Tin Khẩn Cấp Chevron: Đặt tại Hoa Kỳ. Nhận điện thoại quốc tế người nhận trả. (800)

231-0623 hay (510) 231-0623

Thông tin sản phẩm

điện thư : CLVLTech@chevron.com

Thông tin sản phẩm: +84-4-37332545

Số FAX: +84-4-37332555

ĐOẠN 2 CẤU TẠO / THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN

THÀNH PHẦN	SỐ CAS	SỐ LƯỢNG
Dung môi stoddard	8052-41-3	40 - 70 % trọng lượng
Dầu khoáng tinh chế cao (C15–50)	Hỗn hợp	40 - 70 % trọng lượng
BARIUM LONG-CHAIN ALKARYL SULFONATE	Độc quyền	0.5 - 1.5 % trọng lượng

ĐOẠN 3 NHẬN DẠNG CHẤT NGUY HIỂM

XẾP LOẠI: Chất lỏng dễ bắt lửa: Loại 3. Xón rát da: Loại 3. Chất độc cấp tính đối với môi trường thủy sinh: Loại 2. Chất độc mãn tính đối với môi trường thủy sinh: Loại 2.



Từ Ngữ Báo Hiệu: Cảnh báo

Những mối nguy hiểm về thể chất: Chất lỏng và hơi dễ bắt lửa.

Những mối nguy hiểm về sức khỏe: Gây rát da nhẹ (H316).

Những mối nguy hiểm về môi trường: Độc hại cho đời sống thủy sinh (H401). Độc hại đối với môi trường thủy sinh và có ảnh hưởng lâu dài (H411).

ĐỀ PHÒNG

Ngăn ngừa: Tránh xa nhiệt, tia lửa, ngọn lửa ngỏ, bề mặt nóng bỏng. — Cấm hút thuốc (P210). Chỉ sử dụng các dụng cụ không phát ra tia lửa (P242). Áp dụng biện pháp đề phòng tĩnh điện (P243). Nhớ luôn luôn đậy thùng chứa thật kín (P233). Sử dụng trang thiết bị điện, thông gió, chiếu sáng chống nổ (P241). Mang bao tay bảo hộ, quần áo bảo hộ và dụng cụ bảo vệ mặt (P280). Tránh thải ra môi trường (P273).

Hồi báo: NẾU VẤY LÊN DA (hoặc lông tóc): Cởi bỏ ngay tất cả quần áo nhiễm bẩn. Rửa da bằng nước / vòi hoa sen (P303+P361+P353). Nếu thấy da bị khó chịu: Nên người hỏi ý kiến / chăm sóc y tế (P332+P313). Khi có đám cháy. Sử dụng phương tiện cụ thể trong SDS để dập tắt (P370+P378). Thu gom vết loang (P391).

Lưu trữ: Bảo quản ở nơi thông gió tốt. Giữ ở nhiệt độ mát (P403+P235).

Thải bỏ: Thải bỏ những thứ bên trong / thùng chứa theo quy định của địa phương, vùng, quốc gia và quốc tế (P501).

ĐOẠN 4 PHƯƠNG PHÁP SƠ CỨU

Mắt: Không cần phải dùng biện pháp sơ cứu đặc biệt nào. Đề phòng ngừa, tháo kính áp tròng ra nếu có mang, và xối rửa mắt bằng nước.

Da: Lập tức rửa da bằng nước và cởi hết quần áo giày dép đã thấm nhiễm. Chăm sóc y tế ngay nếu bị bất cứ triệu chứng nào. Để gột hết chất này ra khỏi da, sử dụng xà bông và nước. Hãy thải bỏ quần áo và giày dép đã thấm nhiễm hoặc giặt rửa thật kỹ trước khi dùng lại.

Ăn: Đến nơi chăm sóc y tế nếu đã lỡ nuốt vào. Đừng làm nôn mửa. Đừng bao giờ đổ bất cứ thứ gì vào miệng người bất tỉnh.

Hít vào: Không cần phải dùng biện pháp sơ cứu đặc biệt nào. Nếu tiếp xúc chất liệu trong không khí ở mức quá cao, đưa người bị tiếp xúc ra chỗ không khí trong lành. Hãy đến nơi chăm sóc y tế nếu bị ho hay khó chịu ở đường hô hấp.

ĐOẠN 5 PHƯƠNG PHÁP CHỮA CHÁY

PHƯƠNG TIỆN DẬP TẮT: Dùng màn nước, chất bột, hóa chất khô hay dioxit cacbon (CO₂) để dập lửa.

Các Mối nguy Hỏa hoạn Bất thường: Xem Đoạn 7 để biết cách xếp dỡ và bảo quản đúng quy định.

BẢO VỆ LÍNH CỨU HỎA:

Chỉ dẫn chữa cháy: Khi xảy ra hỏa hoạn liên can đến chất này thì đừng đi vào bất cứ nơi quây kín hoặc chật hẹp bất bình nào đang cháy mà không có trang bị bảo vệ thích hợp, kể cả dụng cụ thở độc lập.

Sản phẩm đốt cháy: Tùy thuộc rất lớn vào điều kiện cháy. Một hỗn hợp phức tạp – gồm các thành phần đặc, lỏng và khí, trong đó kể cả monoxit cacbon, dioxit cacbon, và hợp chất hữu cơ chưa rõ gốc tích – sẽ sinh ra trong không khí khi chất này đang cháy.

ĐOẠN 6 PHƯƠNG PHÁP GIẢM TAI NẠN

Phương pháp bảo vệ: Loại bỏ tất cả các nguồn gây cháy gần nơi khí thoát ra. Nếu chất này thoát ra và lan vào khu vực làm việc thì phải lập tức di tản khỏi khu vực này. Hãy theo dõi giám sát khu vực bằng dụng cụ chỉ báo khí dễ cháy.

Kiểm soát chảy tràn: Hãy chặn đứng nguồn phóng thích nếu có thể thực hiện mà không bị nguy cơ rủi ro nào. Nên không chế chất thoát ra để ngăn ngừa tiếp tục thấm nhiễm mặt đất, nước mặt hay nước ngầm. Dọn sạch vết loang càng sớm càng tốt ngay khi có thể, và nhớ tuân thủ biện pháp đề phòng ghi trong phần Kiểm Soát Tiếp Xúc / Bảo Vệ Cá Nhân. Nên dùng những kỹ thuật thích hợp, ví dụ như áp dụng phương pháp bơm hoặc sử dụng chất hấp thu nhanh nhưng khó cháy. Phải bắt dây đất tất cả các thiết bị sử dụng khi xếp dỡ sản phẩm. Có thể dùng bột khử hơi để giảm hơi. Dùng dụng cụ không bắt lửa sạch để thu gom chất liệu thấm. Nếu khả thi và thích hợp thì dỡ bỏ lớp đất đã thấm nhiễm. Hãy đặt chất đã thấm nhiễm vào thùng chứa 'chỉ dùng một lần' rồi thải bỏ theo cách thức phù hợp với quy định hiện hành.

Báo cáo: Báo cáo vết dầu loang cho chính quyền địa phương khi thích hợp hoặc cần thiết.

ĐOẠN 7 XẾP DỠ VÀ BẢO QUẢN

Thông tin xếp dỡ chung: Tránh làm thấm nhiễm vào đất hoặc phóng thích chất này vào hệ thống thoát nước và cống rãnh cũng như các khu vực chứa nước.

Phương pháp phòng ngừa: Chất lỏng bay hơi rồi tạo thành thể hơi (hơi khói) để bắt lửa và phùng cháy với lực nổ mạnh. Hơi vô hình dễ dàng lan rộng và có thể bùng cháy từ nhiều nguồn, ví dụ như đèn báo, thiết bị hàn, công tắc và mô tơ điện. Hiểm họa hỏa hoạn càng lớn hơn khi nhiệt độ chất lỏng tăng lên trên 29°C (85°F). Không để dính vào mắt, trên da hoặc quần áo. Không ném hay nuốt vào. Rửa kỹ sau khi xử lý.

Nguy hiểm tĩnh: Tĩnh điện có thể tích tụ và gây ra tình trạng nguy hiểm khi xử lý chất này. Có thể cần phải giữ chặt và tiếp đất để giảm thiểu hiểm họa này, nhưng bản thân những điều đó có thể là chưa đủ. Hãy xem lại mọi hoạt động có thể tạo ra và tích tụ tĩnh điện và / hoặc môi trường không khí dễ cháy (kể cả việc châm đầy bồn chứa và thùng chứa, châm đầy kiểu bắn tóe, làm vệ sinh bồn chứa, lấy mẫu, đo đạc, bật công tắc, lọc lựa, trộn, khuấy, hoạt động hút chân không) và vận dụng các phương thức thích hợp để giảm thiểu nguy cơ.

Cảnh Báo Trên Thùng Hàng: Thùng chứa không dùng để chịu áp suất cao. Không dùng áp lực để thổi sạch thùng chứa, vì nó có thể thủng vỡ với lực nổ mạnh. Các thùng chứa rỗng còn vương lại cặn sản phẩm (ở thể đặc, lỏng, và / hoặc hơi) và có thể rất nguy hiểm. Đừng tăng áp, cắt, hàn điện, hàn đồng, hàn hợp kim, khoan, mài, hoặc phơi bày thùng chứa như thế ra trước nhiệt, ngọn lửa, tia lửa, tĩnh điện, hoặc nguồn kích hỏa khác. Chúng có thể nổ tung và gây thương tật hoặc tử vong. Nên xả thùng ống rỗng hoàn toàn, đậy kín và nhanh chóng trả lại cho nơi tân trang thùng hay bỏ đúng cách.

Thông tin bảo quản chung: KHÔNG SỬ DỤNG HAY BẢO QUẢN ở gần hơi nóng, tia lửa, ngọn lửa, hay bề mặt nóng khác. CHỈ SỬ DỤNG VÀ BẢO QUẢN Ở NƠI THÔNG GIÓ TỐT. Đậy kín thùng chứa khi không sử dụng.

ĐOẠN 8 KIỂM SOÁT TIẾP XÚC/BẢO VỆ CÁ NHÂN

THẬN TRỌNG CHUNG:

Hãy cân nhắc những hiểm họa tiềm tàng của chất này (xem Đoạn 3), các giới hạn tiếp xúc phơi nhiễm hiện hành, hoạt động cần thực hiện trong công việc – cùng với những chất khác tại nơi làm việc – khi thiết kế biện pháp kiểm soát kỹ thuật và chọn trang thiết bị bảo vệ cá nhân. Nếu biện pháp kiểm soát kỹ thuật hoặc cung cách làm việc vẫn chưa thỏa đáng để phòng tránh tiếp xúc phơi nhiễm với mức nguy hại của chất này thì nên dùng trang thiết bị bảo vệ cá nhân liệt kê ở dưới. Người sử dụng phải đọc và hiểu rõ tất cả các chỉ dẫn và điều hạn chế đi kèm theo thiết bị, vì thông thường chỉ có thể bảo vệ trong một thời gian giới hạn hay trong một số trường hợp nhất định.

KIỂM SOÁT KỸ THUẬT:

Sử dụng tường vách ngăn che, hệ thông gió thoát khí tại chỗ, hoặc biện pháp kiểm soát kỹ thuật khác để kèm chế mức nồng độ trong không khí thấp hơn giới hạn tiếp xúc khuyến cáo.

THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

Bảo vệ mắt / mặt: Nói chung không đòi hỏi bảo vệ đặc biệt cho mắt. Khi có thể xảy ra trường hợp vắng tóa thì phương thức an toàn hợp lý là đeo kính an toàn có miếng che bên hông.

Bảo vệ da: Mặc quần áo bảo vệ để ngăn ngừa tiếp xúc da. Chọn quần áo bảo vệ bao gồm găng tay, tạp dề, giày ủng, và bộ bảo vệ mặt hoàn toàn tùy theo loại công việc thực hiện. Các chất liệu nên dùng cho găng tay bảo hộ là: Cao su nitril, Cồn polyvinyl (PVA) (Lưu ý: Tránh tiếp xúc với nước. PVA sẽ bị hư trong nước.), Miếng che bằng bạc, Viton.

Bảo vệ hô hấp: Nếu hoạt động của người sử dụng tạo ra sương từ dầu thì xác định xem nồng độ trong không khí có ở dưới giới hạn tiếp xúc phơi nhiễm trong nghề nghiệp – đối với sương dầu khoáng – hay không. Nếu không thì đeo mặt nạ thở đã được phê chuẩn nào có mức bảo vệ thỏa đáng đối với nồng độ chất đo được. Nên dùng hộp lọc hạt vụn cho mặt nạ thở thanh lọc không khí.

Giới hạn tiếp xúc nghề nghiệp:

Thành phần	Quốc gia/ Cơ quan	TWA	STEL	Trần nhà	Chú thích
Dung môi stoddard	ACGIH	100 ppm (weight)	--	--	--
Dầu khoáng tinh chế cao (C15–50)	Việt Nam	5 mg/m ³	10 mg/m ³	--	--
Dầu khoáng tinh chế cao (C15–50)	ACGIH	5 mg/m ³	10 mg/m ³	--	--

Nên tham vấn với chánh quyền địa phương để biết giá trị thích hợp.

ĐOẠN 9 THÀNH PHẦN LÝ HÓA

Chú ý: dữ liệu dưới đây là giá trị tiêu biểu và không phải là chi tiết kỹ thuật.

Màu sắc: Không màu sang màu vàng

Trạng thái vật lý: Chất lỏng

Mùi: Mùi dầu mỏ

Ngưỡng mùi: Không có sẵn dữ liệu

pH: Không áp dụng

Áp suất hơi: Không có sẵn dữ liệu

Tỉ trọng bay hơi (Không khí = 1): >1

Điểm sôi: 149°C (300.2°F)

Độ hòa tan: Hòa tan trong hydrocacbon; không tan trong nước

Điểm đông: Không áp dụng

Tỉ trọng: Không có sẵn dữ liệu

Độ nhớt: 2.4 mm²/s @ 40°C (104°F) Tối thiểu

Hệ số phân bố octanol / nước: Không có sẵn dữ liệu

ĐẶC TÍNH DỄ BẮT CHÁY:

Điểm bốc cháy: (Thử nghiệm Closed Cup của Pensky-Martens) 43 °C (109 °F) Tối thiểu

Tự bốc cháy: Không có sẵn dữ liệu

Giới hạn dễ bắt lửa (Cháy Nổ) (% theo số lượng trong không khí): Thấp hơn: Không có sẵn dữ liệu
Cao hơn: Không có sẵn dữ liệu

ĐOẠN 10 ĐỘ BỀN VỮNG VÀ PHẢN ỨNG

Phản ứng: Có thể phản ứng với axit mạnh hay chất oxy hóa mạnh, như clorat, nitrat, peroxit, v. v...

Độ bền vững hóa học: Chất này được cho là ổn định trong điều kiện nhiệt độ và áp lực xung quanh thông thường và xếp dỡ và bảo quản lượng trước.

Điều kiện cần tránh: Không đun nóng cao hơn điểm bốc cháy.

Không tương thích với các chất liệu khác: Không áp dụng
Các sản phẩm phân hủy nguy hiểm: Chưa biết (Chưa nghĩ đến)
Trùng hợp (polime hóa) nguy hiểm: Sẽ không xảy ra quá trình polyme hóa nguy hại.

ĐOẠN 11 THÔNG TIN ĐỘC TỐ

ẢNH HƯỞNG SỨC KHỎE TRỰC TIẾP

Mắt: Dự kiến không gây xốn mắt kéo dài hay nghiêm trọng.

Xốn mắt: Nguy hiểm gây xốn mắt dựa theo đánh giá dữ liệu cho chất liệu tương tự hay thành phần sản phẩm.

Da: Tiếp xúc với da sẽ gây ngứa. Triệu chứng có thể bao gồm đau, ngứa, đổi màu, sưng, và phỏng rộp. Dự kiến sẽ không gây dị ứng da khi tiếp xúc với da.

Độc tính da cấp tính: Nguy hiểm gây độc da cấp tính dựa theo đánh giá dữ liệu cho chất liệu tương tự hay thành phần sản phẩm.

Ngứa da: Nguy hiểm gây ngứa da dựa theo đánh giá dữ liệu cho chất liệu tương tự hay thành phần sản phẩm.

Nhạy cảm da: Nguy hiểm da nhạy cảm dựa theo đánh giá dữ liệu cho chất liệu tương tự hay thành phần sản phẩm.

Ăn: Có thể làm xốn rát miệng, cổ họng và dạ dày. Triệu chứng có thể bao gồm đau nhức, buồn nôn, ói mửa, và tiêu chảy.

Độc tố cấp tính qua đường miệng: Nguy hiểm gây độc đường miệng cấp tính dựa theo đánh giá dữ liệu cho chất liệu tương tự hay thành phần sản phẩm.

Hít vào: Chứa dầu khoáng gốc dầu mỏ. Có thể bị bứt rứt hô hấp hoặc tác động khác lên phổi sau khi xông hít sương dầu trong một thời gian dài hoặc lặp đi lặp lại ở nồng độ (trong không khí) cao hơn giới hạn tiếp xúc phơi nhiễm đã khuyến nghị đối với sương dầu khoáng. Triệu chứng ngứa rát hệ hô hấp có thể bao gồm ho và khó thở.

Độc tố cấp tính hít vào: Nguy hiểm gây độc hít vào cấp tính dựa theo đánh giá dữ liệu cho chất liệu tương tự hay thành phần sản phẩm.

Ước tính độc tố cấp tính: Chưa xác định

THÔNG TIN THÊM VỀ ĐỘC TÍNH:

Sản phẩm này chứa dung môi Stoddard – là hỗn hợp các parafin, naphten và hydrocacbon thơm mạch thẳng và phân nhánh. Theo nghiên cứu về mẫu dung môi Stoddard 85-01 do Viện Hóa Dầu Mỹ tài trợ, LD50 cấp tính qua da >3,0 g/kg, và LD50 cấp tính qua đường miệng >5,0 g/kg. Thử nghiệm độ độc cấp tính khi hít phải cho thấy: Ngưỡng mức không thấy tác động) đối với dung môi Stoddard là 4,0 mg/l, tình trạng xốn mắt và mắt chút ít phổi hợp vận động xuất hiện ở 8 mg/l, và run rẩy, suy sụp CNS và tử vong trong vòng 7,5 giờ khi tiếp xúc phơi nhiễm với 10 mg/l. Trong một cuộc nghiên cứu dài 28 ngày trên da – do API tài trợ – ngứa da với mức trung bình xuất hiện ở 200 mg/kg, và bứt rứt với mức từ trung bình đến trầm trọng nếu trên 1000 mg/kg. API cũng xét thấy chỉ số bứt rứt chính ở da là 4,5, và chỉ số xốn chính ở mắt là 0,0 sau 24 giờ. Trong những thử nghiệm đáp ứng cảm giác trên con người, khi tiếp xúc phơi nhiễm dung môi Stoddard ở 0,60 mg/l thì bị xốn nhẹ ở mắt và mũi sau 30 phút, tốc độ chớp mắt và xốn mắt tăng lên ở 2,4 mg/l, và xốn mắt cùng với chảy nước mắt ở 2,7 mg/l. Chưa ghi nhận được tác động đáng kể lên biểu hiện tâm thần vận động. Sản phẩm này có dầu gốc có thể được tinh chế bằng những tiến trình khác nhau bao gồm chiết xuất dung môi, cracking hydro, hay xử lý hydro mạnh. Không có loại dầu nào đòi hỏi có cảnh báo

ung thư theo Tiêu Chuẩn Loan Báo Hiểm Hỏa của OSHA (29 CFR 1910. 1200). Những loại dầu này chưa được nêu trong Báo Cáo Thường Niên của Chương Trình Nghiên Cứu Độc Chất Quốc Gia (National Toxicology Program, hay NTP) hay được Cơ Quan Quốc Tế Nghiên Cứu Ung Thư (International Agency for Research on Cancer, hay IARC) xếp loại là; chất gây ung thư cho con người (Nhóm 1), có thể gây ung thư cho con người (Nhóm 2A), hay có khả năng gây ung thư cho con người (Nhóm 2B). Các loại dầu này chưa được Hội Nghị Mỹ Các Chuyên Gia Vệ Sinh Công Nghiệp Chính Phủ (American Conference of Governmental Industrial Hygienists, hay ACGIH) xếp loại là: chất xác định gây ung thư ở con người (A1), chất nghi ngờ gây ung thư ở con người (A2), hay chất xác định gây ung thư ở động vật có liên quan chưa biết đến con người (A3).

ĐOẠN 12 THÔNG TIN SINH THÁI

ĐỘC TÍNH SINH THÁI

Dự kiến chất này độc hại cho thủy sinh vật và có thể gây tác động ngoại ý dài hạn cho môi trường thủy sinh.

Sản phẩm chưa được thử nghiệm. Báo cáo được rút từ tính chất của các thành phần riêng.

CHUYỂN ĐỘNG

Không có sẵn dữ liệu.

ĐỘ BỀN BÌ VÀ PHÂN HỦY

Dự kiến chất này không dễ phân hủy sinh học. Sản phẩm chưa được thử nghiệm. Báo cáo được rút từ tính chất của các thành phần riêng.

CÓ KHẢ NĂNG TÍCH LŨY SINH HỌC

Yếu tố nồng độ sinh học: Không có sẵn dữ liệu.

Hệ số phân bố octanol / nước: Không có sẵn dữ liệu

ĐOẠN 13 CẢNH THẬN KHI VỨT BỎ

Sử dụng chất liệu cho mục đích định sẵn hay tái chế nếu có thể. Hiện đang có dịch vụ thu gom dầu đã sử dụng để tái chế hoặc tiêu hủy. Hãy đặt chất liệu đã thấm nhiễm vào thùng chứa rồi bỏ theo cách thức phù hợp với quy định hiện hành. Nên liên lạc với đại diện bán hàng của bạn hoặc cơ quan địa phương có thẩm quyền về môi trường hoặc sức khỏe để biết các phương pháp tái chế hay tiêu hủy đã được phê chuẩn.

ĐOẠN 14 THÔNG TIN VẬN CHUYỂN

Mô tả trình bày không áp dụng cho tất cả các trường hợp gửi hàng. Tham khảo 49CFR, hay Quy Định Hàng Hóa Nguy Hiểm (Dangerous Goods Regulations) thích hợp để biết thêm các đòi hỏi mô tả khác (chẳng hạn như tên kỹ thuật) và đòi hỏi gửi hàng theo cách đặc biệt hay theo số lượng đặc biệt.

Mô tả Gửi Hàng DOT: UN1268, PETROLEUM DISTILLATES, N.O.S., COMBUSTIBLE LIQUID, III
NOTE: NON-BULK PACKAGES ARE NOT REGULATED IN THE U.S.A. SEE 49 CFR 173.150 (f) FOR SPECIAL PROVISIONS FOR VESSEL AND AIRCRAFT.

Mô tả gửi hàng IMO / IMDG: UN1268, PETROLEUM DISTILLATES, N.O.S. (STODDARD SOLVENT), 3, III, FLASH POINT SEE SECTION 5 OR 9, MARINE POLLUTANT (STODDARD SOLVENT)

Mô tả gửi hàng ICAO / IATA: UN1268, PETROLEUM DISTILLATES, N.O.S., 3, IIISTODDARD SOLVENT

ĐOẠN 15 THÔNG TIN QUY ĐỊNH

DÒ TÌM DANH SÁCH QUY ĐỊNH:

- 01-1=IARC Nhóm 1
- 01-2A=IARC Nhóm 2A
- 01-2B=IARC Nhóm 2B

Không một thành phần nào của chất này có tên trong danh sách bị kiểm soát ở trên.

DANH SÁCH HÓA CHẤT:

Mọi thành phần đều phù hợp với các yêu cầu kiểm kê hóa chất sau đây: AICS (Úc), DSL (Canada), EINECS (Liên Minh Châu Âu), ENCS (Nhật Bản), KECI (Hàn Quốc), PICCS (Philippin), TSCA (Hoa Kỳ).

ĐOẠN 16 CÁC THÔNG TIN KHÁC

BÁO CÁO DUYỆT LẠI: Bản sửa đổi này cập nhật các đoạn sau đây trong Tờ An Toàn Chất Liệu này: 2,3

Ngày duyệt lại: THÁNG TÁM 06, 2015

CÁC CHỮ VIẾT TẮT SỬ DỤNG TRONG TÀI LIỆU NÀY:

TLV - Giá trị giới hạn ngưỡng	TWA - Trung bình trọng lượng thời gian
STEL - Giới Hạn Tiếp Xúc Ngắn Hạn	PEL - Giới hạn tiếp xúc cho phép
	CAS - Số Dịch Vụ Tóm Tắt Hóa Chất
ACGIH - American Conference of Governmental Industrial Hygienists	IMO/IMDG - International Maritime Dangerous Goods Code
API - American Petroleum Institute	MSDS - Tờ An Toàn Chất Liệu (Material Safety Data Sheets, hay MSDS)
CVX - Chevron	NFPA - National Fire Protection Association (USA)
	NTP - National Toxicology Program (USA)
IARC - International Agency for Research on Cancer	

Điều chế theo Luật Hóa Chất số 6/2008/QH12 từ Chevron Energy Technology Company (Công Ty Kỹ Thuật Năng Lượng Chevron), 100 Chevron Way, Richmond, California 94802.

Thông tin trên dựa theo dữ liệu chúng tôi biết và được cho là chính xác kể từ ngày này. Do có thể áp dụng thông tin này theo các điều kiện ngoài tầm kiểm soát của chúng tôi và với những điều kiện chưa quen và do dữ liệu có thể có sẵn tiếp theo ngày này, có thể có đề nghị sửa đổi thông tin, chúng tôi không chịu trách nhiệm về kết quả sử dụng. Thông tin này được cung cấp theo điều kiện là người nhận phải tự quyết định chất liệu thích hợp cho mục đích riêng của mình.